

PHÂN TÍCH THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÂN CẤP QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TS. Trần Chí Trung

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Tóm tắt: *Phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi là một trong những yêu cầu cần thiết để nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp và nông thôn. Bài báo này phân tích thực tiễn thực hiện phân cấp quản lý và đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý đối với vùng Đồng bằng sông Hồng.*

1. Đặt vấn đề

Nhiều nghiên cứu khoa học đã chỉ ra phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi là một trong những yêu cầu đảm bảo cho các hệ thống công trình thủy lợi phát huy hiệu quả đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác. Phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi là sự phân công trách nhiệm từ các cơ quan quản lý công trình thủy lợi Trung ương cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới ở địa phương. Đến nay nhiều tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi cho các địa phương hoặc cho các tổ chức thủy nông cơ sở quản lý. Theo kết quả điều tra của đề tài “Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất chính sách phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi” do Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam thực hiện thì đến nay có 22 tỉnh đã có các chính sách của tỉnh quy định (kể cả quy định tạm thời) về phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi [1].

Tuy nhiên, việc thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi ở các địa phương còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Do thiếu cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nên mặc dù thấy được hiệu quả song nhiều địa phương vẫn còn dè dặt trong phân giao quản lý các công trình thủy lợi nhỏ, kỹ thuật đơn giản cho các tổ chức hợp tác dùng nước quản lý. Để thúc đẩy tiến

trình phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi, gần đây Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 10 năm 2009 về “Hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi”. Bài báo này phân tích cơ sở thực tiễn phân cấp quản lý và đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý đối với vùng Đồng bằng sông Hồng.

2. Thực tiễn thực hiện phân cấp quản lý vùng Đồng bằng sông Hồng

Các hệ thống thủy lợi ở các tỉnh được phân cấp quản lý theo mô hình các công ty Khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) quản lý công trình đầu mối, kênh chính, kênh nhánh lớn liên xã, liên huyện, các tổ chức thủy nông cơ sở, chủ yếu là loại hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTXNN) quản lý công trình thủy lợi nhỏ và hệ thống thủy lợi nội đồng ở các hệ thống do công ty quản lý. Quan hệ giữa các công ty KTCTTL với các HTXNN theo cơ chế hợp đồng dịch vụ tưới, tiêu.

Đến nay, nhiều tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng có chủ trương phân cấp công trình thủy lợi nhỏ trong phạm vi 1 xã cho các HTXNN.

- Thành phố Hà Nội đang xây dựng đề án phân cấp quản lý các công trình gồm hồ chứa có

dung tích hữu ích dưới 500.000m^3 ; trạm bơm, kênh dẫn, bờ bao, cống có quy mô tưới dưới 50 ha và tiêu lớn hơn dưới 100ha cho các HTXNN. Theo đó, UBND huyện, quận phối hợp với các xã, phường thành lập tổ chức và lập phương án quản lý khai thác các công trình thủy lợi này. Các tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Phòng cũng dự thảo đề án phân cấp quản lý, chủ trương phân cấp công trình thủy lợi nhỏ có quy mô trong 1 xã cho các HTXNN.

- Năm 2007 tỉnh Thái Bình là tỉnh đầu tiên thực hiện đề án phân cấp quản lý các trạm bơm nhỏ trong 1 xã cho các HTXNN trên quy mô toàn tỉnh. Sau khi được chuyển giao cho các HTXNN thì hiệu quả tưới tiêu của các trạm bơm này đã được nâng cao, nhân dân rất phấn khởi, đồng tình với chủ trương phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi của tỉnh.

- Trong khi đó, tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh duy nhất đang thực hiện thí điểm mô hình quản lý khai thác và điều hành một đầu mối theo phương thức công ty KTCTTL nhận lại toàn bộ các công trình thủy lợi trước đây đã chuyển giao cho các HTXNN quản lý. Qua gần 2 năm thực hiện bàn giao thí điểm các công trình thủy lợi từ các UBND xã, HTXNN về công ty KTCTL quản lý, đến nay đã có đã có 34/38 xã đã hoàn thành việc bàn giao. Tổng số có 54 hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ thủy nông đã bàn giao với 6293 ha diện tích tưới 3 vụ. Số công trình được bàn giao gồm 230 hồ đập nhỏ, 88 trạm bơm và 785 km kênh các loại. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi của mô hình thí điểm tổ chức quản lý khai thác và điều hành một đầu mối cần được điều tra, đánh giá một cách khách quan để khẳng định sự phù hợp của mô hình này.

Nhìn chung, thực tiễn thực hiện phân cấp quản lý ở vùng Đồng bằng sông Hồng cũng tồn tại nhiều vấn đề:

- Nhiều địa phương mặc dù thấy được hiệu quả song vẫn còn dè dặt trong phân giao quản lý các công trình thủy lợi nhỏ, kỹ thuật đơn giản cho các tổ chức thủy nông cơ sở và cá nhân quản lý.

- Chưa xác định rõ ràng trách nhiệm quản lý của công ty KTCTTL và các HTXNN. Nhiều công trình thủy lợi nhỏ, kênh cấp II liên xã theo quy định thuộc trách nhiệm của công ty vì đã đưa vào tính định mức quản lý khai thác nhưng thực tế lại do các HTXNN vận hành và duy tu bảo dưỡng. Trong khi đó, cộng đồng muốn được chuyển giao những công trình trong địa bàn về cho địa phương quản lý. Ngược lại, nhiều công trình thủy lợi nhỏ quy mô trong 1 xã hiện vẫn giao cho công ty KTCTL quản lý. Nhiều trạm bơm nhỏ công suất máy $1000\text{m}^3/\text{h}$ do các doanh nghiệp nhà nước quản lý làm cho chi phí quản lý là rất lớn, ví dụ 1 trạm bơm 1-2 máy $1000\text{m}^3/\text{h}$ do doanh nghiệp quản lý thì riêng tiền nhân công hàng năm từ 2-3 người, chi khoảng 70-80 triệu đồng, trong khi đó giá trị thiết bị của trạm bơm chỉ khoảng 50-60 triệu đồng.

- Ở hầu hết các tỉnh, ranh giới thủy lợi nội đồng chưa được xác định cụ thể. Điều đó cũng có nghĩa là các tỉnh chưa đưa ra quy định vị trí các cống đầu kênh, là ranh giới trách nhiệm quản lý giữa công ty và các HTXNN.

- Cơ chế tài chính cho các HTXNN là chưa rõ ràng. Nhiều HTXNN quản lý các hệ thống kênh nội đồng vượt quá phạm vi của cống đầu kênh nhưng lại không được hưởng khoản thủy lợi phí cấp bù tương ứng.

- Việc phân cấp quản lý hệ thống các công trình thủy lợi theo ranh giới đơn vị hành chính xã như hiện nay gây nhiều khó khăn trong việc xác định phạm vi, trách nhiệm của các Công ty KTCTTL và các HTXNN, nhất là đối với các công trình thủy lợi liên xã.

3. Thực tiễn thực hiện phân cấp quản lý KTCTTL ở tỉnh Thái Bình

Thực tiễn phân cấp quản lý vùng Đồng bằng sông Hồng được phân tích chi tiết qua thực tế ở tỉnh Thái Bình, là tỉnh đầu tiên thực hiện phân cấp quản lý các trạm bơm nhỏ trong 1 xã cho các HTXNN trên quy mô toàn tỉnh.

a) Đề án phân cấp quản lý công trình thủy lợi nhỏ cho cơ sở

Năm 2007, UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt đề án phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi cho cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình [2]. Mục tiêu của đề án là phân giao trách nhiệm quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công

trình thủy lợi cho các địa phương nhằm khắc phục những bất cập của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi cho cơ sở, nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý công trình, khai thác có hiệu quả việc dùng nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh, góp phần phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

b) Kết quả thực hiện phân cấp quản lý

Đến nay, đề án đã hoàn thành công tác bàn giao 280 trạm bơm trên tổng số 285 trạm bơm cho các HTXNN. Kết quả chuyển giao các công trình thủy lợi ở 2 hệ thống thủy lợi của tỉnh được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Số lượng các trạm bơm được chuyển giao cho cơ sở quản lý

Công ty quản lý	Trạm bơm bàn giao thuộc huyện							Kinh phí (10 ⁶ đ)
	Hưng Hà	Đông Hưng	Quỳnh phụ	Vũ Thư	Kiến Xương	Tiền Hải	TP. Thái Bình	
Bắc Thái Bình	72	59	33					8.112,36
Nam Thái Bình				42	34	27	12	7.450,20

Các trạm bơm điện đã bàn giao là các công trình có nguồn vốn do nhà nước đầu tư nên được cấp kinh phí cho vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa công trình đầu mối. Trong tổng số 33 trạm bơm trực ngang, 23 trạm bơm đã được tỉnh cấp kinh phí tu bổ sửa chữa cải tạo, chuyển thành trực đứng để nâng cao hiệu quả bơm nước. Còn 5 trạm bơm chưa được bàn giao là những trạm bơm tưới tiêu cho liên xã, liên huyện, đang chờ chính sách về phân bổ tài chính đối với loại hình công trình liên xã. Năm 2009 tỉnh Thái Bình tiếp tục thực hiện đề án phân cấp các sông dẫn nước cho các địa phương quản lý.

Số liệu thống kê kết quả chuyển giao các trạm bơm điện nhỏ từ Công ty KTCTTL cho HTXNN quản lý như sau:

- Trạm bơm có công suất lớn nhất là 3000m³/h; nhỏ nhất là 540m³/h

- Diện tích phụ trách trung bình của mỗi trạm bơm tưới: 80ha, trạm bơm tiêu: 95ha

- Trạm có diện tích tưới lớn nhất là 250ha, nhỏ nhất là 29 ha

- Hạng mục kênh mương đi kèm 1 trạm bơm bàn giao đối với kênh xây: 2.363m/trạm, kênh đất 6.797m/trạm.

- Giá trị tài sản trung bình (không gồm giá trị sử dụng đất) của các công trình bàn giao bao gồm cả kênh mương trước, sau trạm bơm; cống đi kèm công trình: Nguyên giá là: 94,9 triệu đ/trạm và giá trị tại thời điểm bàn giao: 49,5 triệu đ/trạm.

Sau khi thực hiện phân cấp các công trình thủy lợi, số lượng các loại công trình quản lý giữa các Xi nghiệp KTCTTL thành viên của Công ty KTCTTL Bắc, Nam và các HTXNN như sau:

- Phần cống dưới đê, cống đập chính nội đồng

vẫn do Công ty KTCTTL Bắc, Nam quản lý.

- Tổng hợp trạm bơm do Công ty KTTL Bắc, Nam quản lý trước khi phân cấp là 349 trạm, sau khi phân cấp còn 69 trạm:

- Định biên của công ty KTCTTL giảm được 379 người, gồm cả lao động trực tiếp và gián tiếp (bằng 33% định biên hiện tại). Số công nhân vận hành trạm bơm sau khi thực hiện bàn giao vẫn tiếp tục quản lý vận hành giúp các HTXNN trong thời gian HTXNN cử người đi đào tạo công nhân vận hành trạm bơm.

- Theo quyết định phân cấp của UBND tỉnh thời gian hỗ trợ công nhân vận hành tối đa không quá 12 tháng. Tuy nhiên do thực tế việc chọn cử, tổ chức đào tạo công nhân vận hành trạm bơm tới tháng 6 năm 2009 mới hoàn thành nên thời gian lực lượng công nhân của các Xí nghiệp hỗ trợ địa phương phải kéo dài.

- Sau khi được phân cấp, các HTXNN đã cử 285 người tham dự khoá đào tạo công nhân vận hành trạm bơm để quản lý các trạm bơm nhận bàn giao từ các Xí nghiệp huyện thuộc Công ty KTCTTL Bắc, Nam.

- Kênh mương loại II do Công ty KTTL Bắc, Nam quản lý 197 km, trong đó đã kiên cố là 29,3 km, kênh loại III cấp 1, 2 3 do các HTXNN quản lý: 7.515 km.

c) Hiệu quả thực hiện phân cấp quản lý

Hiệu quả của đề án phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi của tỉnh Thái Bình được

thực tế khẳng định về mặt kinh tế, kỹ thuật, chính trị và xã hội như sau:

- Tất cả các công trình thủy lợi từ đầu mối đến mặt ruộng đều có chủ quản lý thực sự, bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ làm cho việc khai thác công trình đạt hiệu quả cao hơn, phục vụ tốt hơn.

- Nâng cao được trách nhiệm của người hưởng lợi từ dịch vụ nước, đặc biệt là nông dân vào quá trình khai thác bảo vệ công trình thủy lợi, đồng thời có thêm nguồn lực để quản lý tu bổ nâng cấp công trình.

- Chấm dứt từng bước tình trạng vi phạm trong quản lý, khai thác công trình, công tác bảo vệ, chống xuống cấp công trình được nâng cao, giúp cho việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình đi vào nề nếp.

- Đảm bảo toàn bộ diện tích được đáp ứng đủ yêu cầu tưới, tiêu chủ động, kịp thời, tăng năng suất cây trồng.

- Các địa phương chủ động điều hành phân phối nước tưới theo tiến độ gieo cấy trong từng vụ, từng khu đồng, cho từng nhóm cây trồng thuận lợi. Việc tiêu nước chống úng kịp thời ngay khi mưa lớn xảy ra, giảm thiệt hại tới mức thấp nhất.

- Tiết kiệm điện năng, tiết kiệm nước: Tiết kiệm điện năng tiêu thụ của các trạm bơm đồng nghĩa với việc tiết kiệm nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2. Điện năng tiêu thụ của các trạm bơm trong tỉnh trước và sau phân cấp quản lý

TT	Chi tiêu	Trước khi phân cấp quản lý	Sau khi phân cấp quản lý	
		2006	2008	2009
1	Bình quân vụ xuân (kw)	12,890,890	11,796,196	9,073,656
2	Bình quân vụ mùa (kw)	5,824,188	5,636,067	5,292,601
3	Bình quân vụ đông (kw)	1,295,327	1,769,111	1,866,911
	Bình quân cả năm (kw)	20,010,405	19,201,374	16,233,168

Kết quả phân tích ở bảng 2 cho thấy sau khi thực hiện phân cấp quản lý điện năng tiêu thụ bình quân toàn tỉnh năm 2008 giảm 809. 032 Kw/năm và năm 2009 giảm 3.777.237 Kw/năm so với năm chưa phân cấp 2006, mặc dù trong đó vụ đông năm 2008, 2009 tăng diện tích tưới, tăng lượng bơm tưới và tiêu úng vụ đông giúp cho sản xuất vụ đông đạt giá trị cao hơn so với năm 2006 . Riêng vụ xuân 2009 so với vụ xuân 2006 bình quân toàn tỉnh giảm chi phí điện năm là 3.817.235 Kw, giảm 30% mức tiêu thụ năm 2006.

- Thực hiện Nghị định 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ, các HTXNN được cấp bù nguồn kinh phí do miễn thủy lợi phí 64 tỷ đồng, trong đó dành khoảng 40 tỷ đồng cho đầu tư tu bổ công trình, đó là nguồn kinh phí lớn nhất từ trước tới nay cho các HTXNN chi tu bổ sửa chữa nâng cấp công trình làm tăng hiệu quả phục vụ của các công trình.

- Các HTXNN đã quản lý tốt hơn các trạm bơm điện, do các trạm bơm này trực tiếp phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp của chính địa phương mình. Điện năng tiêu thụ của các trạm bơm giảm do người dân có trách nhiệm giữ nước trên mặt ruộng tốt hơn và tận dụng 50-60% thời gian bơm nước về ban đêm có giá điện thấp hơn.

4. Đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý

a) Giải pháp cơ chế chính sách

Thông tư 65/2009/TT-BNNPTNT về “Hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi” của Bộ NN&PTNT ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2009 quy định:

+ *Nguyên tắc phân cấp quản lý:*

- Việc quản lý, vận hành và bảo vệ các công trình đầu mối lớn, công trình quan trọng, hệ thống kênh trục chính và các kênh nhánh có quy mô lớn, kỹ thuật vận hành phức tạp phải do

doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện để bảo đảm vận hành công trình an toàn, hiệu quả.

- Tổ chức, cá nhân được giao hoặc có tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình được giao.

- Phân cấp quản lý công trình thủy lợi thực hiện đồng thời hoặc sau khi Tổ chức hợp tác dùng nước (TCHTDN) được củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực. Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và người dân trong việc tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ, nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi.

- Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi được hưởng đầy đủ các quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ *Tiêu chí phân cấp quản lý:*

- Các công trình, hệ thống công trình thủy lợi không lớn, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật đơn giản, có thể được phân cấp cho TCHTDN, hộ gia đình, cá nhân quản lý để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công trình.

- Tiêu chí phân cấp quản lý đối với vùng Đồng bằng sông Hồng: Hồ chứa có dung tích chứa từ 1.000.000m³, đập dâng có chiều cao đập từ 10m trở xuống, có quy mô tưới trong phạm vi xã hoặc cấp hành chính tương đương, trạm bơm điện phục vụ trong phạm vi xã hoặc cấp hành chính tương đương, có diện tích tưới, tiêu thiết kế không nên vượt quá: 300 ha.

- Các công trình, kênh mương thuộc hệ thống công trình thủy lợi lớn do doanh nghiệp quản lý, khai thác và bảo vệ, có thể xem xét phân cấp

cho các TCHTDN, hộ gia đình, cá nhân quản lý nhưng có diện tích không nên vượt 500 ha.

Căn cứ vào Thông tư 65 của Bộ NN&PTNT, các tỉnh cần ban hành đề án phân cấp quản lý công trình thủy lợi phù hợp cho từng tỉnh. Nội dung đề án phân cấp quản lý cần quy định:

- Phân định rõ trách nhiệm giữa công ty KTCTTL với các TCHTDN đặc biệt trong vận hành, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi.

- Quy định phạm vi cống đầu kênh, là điểm phân chia trách nhiệm quản lý, vận hành giữa công ty KTCTTL và các TCHTDN

- Tính hỗ trợ kinh phí sửa chữa công trình, nhất là đối với các trạm bơm trước khi bàn giao và đề nghị huyện hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa công trình sau khi phân cấp quản lý.

- Đưa ra quy định cụ thể mức thu, chi, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các TCHTDN. Bố trí vốn hàng năm cấp bù và hỗ trợ các TCHTDN theo Nghị định 143/NĐ-CP, hỗ trợ tài chính cho các trạm bơm điện, như chi trả cho tạo nguồn nước và chi phí cho các trạm bơm hoạt động.

b) Giải pháp thực hiện phân cấp quản lý công trình thủy lợi

- Cần phân công trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng giữa các tổ chức quản lý, để tránh chồng chéo, y lại, tăng cường tính tự chủ, sáng tạo cho các cấp quản lý, đảm bảo tính thống nhất quản lý điều hành để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Việc tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống, kết hợp quản lý theo lưu vực và vùng lãnh thổ. Bảo đảm an toàn và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trong việc tưới tiêu, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh, xã hội và môi trường.

- Việc quản lý, vận hành và bảo vệ các công

trình đầu mối lớn, công trình quan trọng, hệ thống kênh trục chính và các kênh nhánh có quy mô lớn, kỹ thuật vận hành phức tạp phải do doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, do vậy mà việc phân cấp cho các địa phương cần phải căn cứ vào quy mô của công trình, mức độ phức tạp trong quản lý và mức độ nguy hiểm đối với vùng hạ du khi công trình xảy ra sự cố.

- Thực hiện phân cấp cần chuyển giao công trình thủy lợi cho các TCHTDN, tránh tình trạng chuyển giao cho các đơn vị hành chính dẫn đến tình trạng công trình vô chủ.

- Công trình thủy lợi do cấp nào quản lý thì cấp đó trực tiếp tổ chức vận hành, duy tu bảo dưỡng để nâng cao trách nhiệm của các tổ chức quản lý công trình thủy lợi, bao gồm cả công ty KTCTTL và các tổ chức hợp tác dùng nước.

- Phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải gắn với tổ chức quản lý khai thác sử dụng công trình, đồng thời gắn liền với phân cấp tỷ lệ kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí tương ứng.

- Cần xác định rõ cống đầu kênh đối với các TCHTDN để ngoài việc phân định trách nhiệm quản lý giữa công ty KTCTTL và các TCHTDN, còn là cơ sở để phân chia kinh phí hỗ trợ miễn giảm thủy lợi phí giữa các tổ chức quản lý thủy nông. Do vậy mà UBND cấp tỉnh ban hành quyết định cụ thể quy mô cống đầu kênh và mức trần phí dịch vụ thủy nông nội đồng, để chi trả công tác quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình thuộc phạm vi của TCHTDN quản lý, nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc tiết kiệm nước, bảo vệ công trình thủy lợi.

- Tổ chức hợp tác dùng nước, hộ gia đình, cá nhân quản lý công trình, kênh mương có quy mô diện tích phục vụ lớn hơn quy mô cống đầu kênh theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh, được cấp một phần kinh phí từ nguồn cấp bù

thuỷ lợi phí của Nhà nước. Tỷ lệ và mức trích cụ thể theo thoả thuận giữa công ty quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi đầu mối với TCHTDN trên cơ sở khối lượng, nội dung công việc thực hiện và diện tích thực tế vượt mức quy định. Tùy theo mức độ vượt quá quy mô công đầu kênh, các TCHTDN có thể được hưởng tới 50% mức thuỷ lợi phí do tỉnh quy định.

c) *Nâng cao năng lực cho các tổ chức hợp tác dùng nước*

- Để quản lý vận hành an toàn, hiệu quả các trạm bơm điện, các Sở NN&PTNT hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về vận hành bảo dưỡng các trạm bơm cho các TCHTDN. Ngoài việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các TCHTDN cũng được đào tạo kiến thức về tổ chức quản lý công trình thuỷ lợi, phát huy vai trò cộng đồng trong quản lý khai thác hiệu quả công trình thuỷ lợi.

- Trường hợp các địa phương nhận bàn giao công trình chưa có công nhân vận hành trạm bơm, địa phương được công ty KTCTTL hỗ trợ công nhân vận hành nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày bàn giao.

d) *Giải quyết nhân lực dôi dư sau khi bàn giao công trình*

Sau khi phân cấp công trình thuỷ lợi cho các TCHTDN quản lý, các công ty cần sắp xếp đổi mới hoạt động cho gọn nhẹ và hiệu quả. Đối với cán bộ công nhân viên thuộc công ty dôi dư, đề nghị các hướng giải quyết là (i) Những lao động đủ điều kiện sẽ đảm nhận các nhiệm vụ khác, như công nhân đường kênh, công nhân cụm trạm, thủ công trong công ty; (ii) Thành lập đơn vị sản xuất kinh doanh, tư vấn ngoài công ích; (iii) Những lao động chưa giải quyết được theo các hướng trên, đề nghị được tăng cường (cao hơn định mức) vào một số công việc của công ty (giải phóng dòng chảy, thủ công phụ

thay thế lao động thời vụ, lao động hợp đồng có thời hạn); (iv) Đào tạo lại cho cán bộ trẻ để có thể bố trí vào các vị trí chuyên môn thích hợp và (v) Giải quyết chế độ nghỉ sớm theo Nghị định 41 của Chính phủ.

5. Kết luận

Phân cấp quản lý khai thác công trình thuỷ lợi là một trong những yêu cầu đảm bảo cho các hệ thống công trình thuỷ lợi phát huy hiệu quả đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác. Phân cấp quản lý công trình thuỷ lợi đảm bảo sự đồng bộ khép kín về công tác quản lý, làm tốt chức năng cầu nối giữa doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thuỷ lợi với các dịch vụ liên quan giúp người dùng nước sử dụng nước hiệu quả. Kết quả phân tích thực tiễn phân cấp quản lý vùng Đồng bằng sông Hồng cho thấy nhiều tỉnh đang có chủ trương phân cấp các công trình thuỷ lợi nhỏ quy mô tưới, tiêu trong 1 xã cho các HTXNN quản lý. Hiệu quả của đề án phân cấp quản lý công trình thuỷ lợi nhỏ cho cơ sở tỉnh Thái Bình được thực tế khẳng định về mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Kinh nghiệm thực hiện thành công chuyển giao các trạm bơm cho các HTXNN ở Thái Bình là bài học quý giá cho các địa phương khác tham khảo áp dụng thực hiện phân cấp quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thuỷ lợi. Để thực hiện chủ trương phân cấp quản lý theo Thông tư 65 của Bộ NN&PTNT, một số giải pháp để thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý được đề xuất cho các nhà nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý khai thác công trình thuỷ lợi tham khảo áp dụng, bao gồm: (i) Giải pháp về cơ chế chính sách, (ii) Giải pháp thực hiện phân cấp quản lý, (iii) Nâng cao năng lực cho các TCHTDN và (iv) Giải quyết nhân lực dôi dư sau khi bàn giao công trình.

Tài liệu tham khảo

[1] Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (2009). Kết quả điều tra của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất chính sách phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi”.

[2] UBND tỉnh Thái Bình. Quyết định số 1013/QĐ-UBND, ngày 16/5/2007 phê duyệt “Đề án phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi cho cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

Abstract:

**ANALYZING ACTUAL IMPLEMENTATION AND PROPOSING SOLUTIONS
TO ENHANCE IRRIGATION MANAGEMENT DECENTRALIZATION
FOR THE RED RIVER REGION**

Tran Chi Trung

Irrigation management decentralization is one of the main factors ensuring effectiveness of irrigation systems serving agricultural production for development of agriculture and rural sectors. This paper analyzes actual implementation and proposes solutions to enhance irrigation management decentralization for the Red river region.